TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 253/2019/HNGĐ-ST
Ngày 01 tháng 11 năm 2019
"V/v xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Kim Cương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Huỳnh Hoàng Khởi;

2.Ông Võ Thanh Liêm.

- ***Thư ký phiên tòa****:* Bà Phạm Thị Thu Vân – Là thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau.

Trong ngày 01 tháng 11 năm 2019, Tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau. Xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 785/ 2019/ HNGĐ-ST ngày 11 tháng 9 năm 2019 về việc yêu cầu "xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 834/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn A L, sinh năm 2000 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện N, tỉnh Cà Mau.

-*Bị đơn:* Anh Nguyễn Thành H, sinh năm 1994 (có mặt).

Địa chỉ: Số 70, đường T, khóm 8, phường 8, thành phố M, tỉnh Cà Mau.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Vũ B, sinh năm 1998 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện N, tỉnh Cà Mau.

2. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1975 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện D, tỉnh Cà Mau.

3. Bà Mạc Thanh T (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 70, đường T, khóm 8, phường 8, thành phố M, tỉnh Cà Mau.

4. Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn HD S (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Lầu 8, 9, 10 Tòa nhà G, số 24C, đường L, phường 6, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Nguyễn A L trình bày tại đơn khởi kiện, và được bổ sung tại phiên tòa nội dung như sau:

Về hôn nhân: Chị và anh H chung sống với nhau năm 2017, đến năm 2018 chị và anh Hiểm mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 8, thành phố M. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, và anh H

thường xuyên đi nhậu, chửi bới người lớn, không quan tâm chăm sóc vợ con. Nay nhận thấy cuộc sống chung không còn hạnh phúc nên chị xin ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị và anh H có 01 con chung tên Nguyễn Thành T, sinh ngày 07/02/2018, hiện đang sống cùng chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Chị và anh H có 4,2 chỉ vàng 18K, số vàng này chị đang quản lý. Số vàng này khi ly hôn chị đồng ý chia đôi, chị giao lại cho anh H 02,1 chỉ vàng 18k. Đối với 01 chiếc lắc 05 chỉ vàng 24k đây là tài sản riêng của chị tài sản này do mẹ ruột chị cho riêng chị trong ngày cưới. Sau đó mẹ chồng là bà Mạc Thanh T mượn nhưng chưa trả lại. Nay chị yêu cầu bà T có trách nhiệm trả lại cho chị số vàng trên. Chị không đồng ý chia đôi theo yêu cầu của anh H. Đối với 01 chiếc xe hiệu Honda Vario biển kiểm soát số 69E1- 440.12 do anh Nguyễn Vũ B (là anh ruột của chị) đứng tên. Xe này anh H đang quản lý. Trước đây tại đơn khởi kiện chị xác định đây là tài sản chung nên yêu cầu chia đôi. Nay chị xác định xe này là xe của anh B không phải là tài sản chung của vợ chồng nên chị đồng ý giao xe lại để anh B quản lý, sử dụng. Số tiền anh H trả trước anh B có trách nhiệm trả lại và tiếp tục trả góp hàng tháng cho phía Công ty tài chính TNHH HD S. Đây là tài sản của anh B và nợ của anh B, không liên quan đến trách nhiệm của chị và H, các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết trọng vụ án này.

Về nợ chung: Chị và anh H có nợ hụi bà Nguyễn Thị D Số tiền 28.000.000đ, khi ly hôn chị và anh H mỗi người trả cho bà D 14.000.000đ. Trước đây tại đơn khởi kiện chị có khai có nợ của Công ty tài chính TNHH HD S số tiền 43.984.000 đồng. Nhưng tại phiên tòa chị xác định chị và anh H không có nợ số tiền trên, đây là nợ của anh B không liên quan đến chị và anh H.

Người khác nợ lại: Bà Mạc Thanh T mượn của chị 05 chỉ vàng 24k nhưng chưa trả lại. Nay chị yêu cầu bà T có trách nhiệm trả lại cho chị số vàng trên cho chị.

Anh Nguyễn Thành H trình bày: Về hôn nhân: anh và chị L chung sống với nhau vào năm 2017, đến năm 2018 anh chị mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 8, thành phố M. Trong quá trình sống chung mâu thuẫn không đúng như chị L trình bày, vợ chồng không có mâu thuẫn cãi vã gì hết, không có việc anh chửi bới ông bà cha mẹ, anh còn rất thương vợ, nhưng nếu chị L cương quyết ly hôn, anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị L có 01 con chung tên Nguyễn Thành T, sinh ngày 07/02/2018, hiện đang sống cùng chị L. Nay khi ly hôn, anh đồng ý giao con cho chị L nuôi con, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh khai vợ chồng có chung: 01 chiếc lắc 05 chỉ vàng 24K tài sản này mẹ ruột anh bà Mạc Thanh T đã mượn, và 4,2 chỉ vàng 18K, tài sản này chị L đang quản lý. Nay khi ly hôn anh yêu cầu chia đôi toàn bộ số vàng nói trên.

Đối với chiếc xe máy hiệu Honda Vario biển kiểm soát số 69E1- 440.12 do anh Nguyễn Vũ B đứng tên, xe anh đang quản lý, anh đồng ý giao xe lại cho anh B, anh B trả tiền anh trả trước và tiếp tục trả góp cho Công ty tài chính TNHH HD S. Đây là tài

sản và nợ của anh B, không liên quan đến trách nhiệm của anh và chị L, các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Về nợ chung: Anh và chị L nợ hụi của bà Nguyễn Thị D số tiền 28.000.000đ, khi ly hôn anh đồng ý có trách nhiệm thanh tóan cho bà D 14.000.000 đồng, chị L thanh toán 14.000.000 đồng cho bà D.

Nợ Công ty tài chính TNHH HD S số tiền 41.350.000 đồng là nợ của anh Nguyễn Vũ B, anh đồng ý giao xe 69E1- 440.12 cho anh B, anh B có trách nhiệm trả góp hàng tháng cho Công ty tài chính TNHH HD S. Đây là tài sản và nợ của anh B, không liên quan đến trách nhiệm thanh toán nợ của anh và chị L.

Anh Nguyễn Vũ B trình bày như sau: Chiếc xe hiệu Honda Vario biển kiểm soát 69E1 – 440.12 do anh đứng tên và mua trả góp tại Công ty tài chính TNHH HD S. Hiện chị L và anh H ly hôn, do anh đứng tên trong giấy chứng nhận đăng ký xe và mua trả góp của Công ty TNHH tài chính HD S nên anh đồng ý nhận xe và nhận trách nhiệm trả số nợ trên.

Bà Mạc Thanh T trình bày: Bà thừa nhận có mượn của chị L 01 chiếc lắc tay trọng lượng 05 chỉ vàng 24K, nay chị L và anh H ly hôn, bà đồng ý trả lại 5 chỉ vàng 24K cho anh H và chị L.

Bà Nguyễn Thị D trình bày: Anh H và chị L còn thiếu bà số tiền hụi là 28.000.000đ. Nay chị L và anh H ly hôn, bà tự thỏa thuận với chị L và anh H, bà không khởi kiện trong vụ án này. Khi nào phát sinh tranh chấp, bà sẽ khởi kiện sau.

Công ty tài chính TNHH HD S trình bày : Ngày 18/6/2018 ông Nguyễn Vũ B có ký đề nghị cấp tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng số 2W014033239 với HD S để vay mua trả góp xe máy nhãn hiệu HONDA VARIO với số tiền vay là 35.600.000 đồng, trả góp hàng tháng, thời hạn là 18 kỳ. Trong quá trình vay ông Bảo đã thanh toán được 03 kỳ. Tổng số tiền còn lại ông B có nghĩa vụ thanh toán cho HD S tạm tính là 40.636.345 đồng. Ông Nguyễn Vũ B là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án ly hôn giữa chị Nguyễn A L với anh Nguyễn Thành H. Do ông bảo đứng tên vay giùm chị L và anh H để mua xe đã vi phạm vi định tại Mục 2.13.1 của hợp đồng đã ký nên Công ty yêu cầu ông B thanh toán toàn bộ số tiền còn lại tạm tính là 40.636.345 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp giữa chị Nguyễn A L và anh Nguyễn Thành H được xác định là tranh chấp về việc xin ly hôn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Mạc Thanh T, Công ty tài chính TNHH HD S đều có ý kiến và đơn xin xét xử vắng cho nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nói trên theo quy định các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn A L và anh Nguyễn Thành H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2017, đến năm 2018 anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 8, thành phố M, tỉnh Cà Mau nên quan hệ hôn nhân của anh chị được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa chị L xin ly hôn anh

H cũng đồng ý ly hôn. Mặc dù anh H cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn. Trong khi chị L xác định không thể tiếp tục sống chung với anh H do anh không quan tâm chăm sóc vợ con do bất đồng quan điểm sống, giữa vợ chồng không có tiếng nói chung. Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống hôn nhân của anh chị thực tế có mâu thuẫn , đời sống chung không hạnh phúc nên nay chị L yêu cầu xin ly hôn, anh H cũng đồng ý nên yêu cầu xin ly hôn của chị L được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị L và anh H có 01 con chung tên Nguyễn Thành T, sinh ngày 07/02/2018, cháu hiện đang sống cùng chị L. Nay khi ly hôn chị L yêu cầu nuôi cháu Tài, anh H cũng đồng ý theo yêu cầu của chị L. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện cháu Tài dưới 36 tháng tuổi cần có sự quan tâm chăm sóc của người mẹ, nên việc thỏa thuận giữa chị L và anh H phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu của chị L.

Về cấp dưỡng nuôi con do chị L không đặt ra yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh H vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Chị L khai chị và anh H có chung 4,2 chỉ vàng 18k, tài sản này chị L đang quản lý. Nên khi ly hôn chị đồng ý chia đôi, chị giao lại cho anh H 2,1 chỉ vàng 18k theo yêu cầu của anh H. Đối với 05 chỉ vàng 24k mà bà Mạc Thanh T đã mượn đây là tài sản riêng của chị L nên anh H yêu cầu chia đôi 05 chỉ vàng 24k trên chị L không đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy: Đối với tài sản là 4,2 chỉ vàng 18k gồm 01 sợi dây chuyền, 01 tấm lắc, 01 chiếc nhẫn: Đây là tài sản anh H và chị L tạo lập trong thời kỳ hôn nhân được các bên thừa nhận đồng ý thống nhất chia đôi, sự thỏa thuận này giữa các đương sự tự nguyện phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận chia đôi số vàng trên theo yêu cầu của anh H.

Đối với 05 chỉ vàng 24k bà Mạc Thanh T đang mượn, tại phiên hòa giải ngày 01/10/2019 bà T thừa nhận có mượn số vàng trên của chị L và nay khi chị L và anh H ly hôn bà đồng ý trả lại số vàng đã mượn nói trên cho chị L, anh H. Đây là sự tự nguyện của bà T nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Tuy nhiên, đối với số vàng này anh H cho rằng là tài sản chung của vợ chồng, chị L xác định là tài sản riêng. Hội đồng xét xử thấy: Nguồn gốc tài sản này đều được nguyên, bị đơn thừa nhận là 01 chiếc lắc có trọng lượng 05 chỉ vàng 24k do mẹ ruột chị L cho chị L và khi cho cũng nói rõ là cho riêng con gái trước khi về nhà chồng. Việc tặng cho này được mẹ chị L xác nhận là cho riêng con gái. Cho nên đây được xem là tư trang mẹ cho con gái trước khi đi về nhà chồng. Không phải là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Vì vậy, nay anh H yêu cầu chia đối số tài sản chung này không có căn cứ chấp nhận.

[5] Về nợ chung: Anh H, chị L khai có nợ của bà Nguyễn Thị D 28.000.000đ tiền hụi, khi ly hôn anh H, chị L thống nhất mỗi người có trách nhiệm trả ½ số nợ trên. Tuy nhiên, số nợ trên bà D không có yêu cầu buộc anh H, chị L trả trong cùng vụ án này mà để các bên tự thỏa thuận việc thanh toán nợ. Khi nào có phát sinh tranh chấp bà sẽ khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác. Xét thấy đây là sự tự định đoạt của đương sự

nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết, nếu sau này có tranh chấp thì bà Diệu có quyền khởi kiện thành vụ án dân sự khác.

[6] Đối với Chiếc xe hiệu Honda Vario biển kiểm soát 69E1 – 440.12 do anh B đứng tên và mua trả góp tại Công ty tài chính TNHH HD S. Xe trên anh H đang quản lý, nhưng anh H và anh B tự thỏa thuận về tài sản này. Do anh B đứng tên trong giấy chứng nhận đăng ký xe và mua trả góp của Công ty TNHH tài chính HD S nên anh B đồng ý nhận xe và nhận trách nhiệm trả số nợ trên. Anh B không có yêu cầu gì về tài sản trên đối với anh H và chị L trong vụ án hôn nhân này. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu giữa anh B và anh H, chị L có phát sinh tranh chấp anh B có quyền kiện ở vụ án dân sự khác.

[7] Đối với khoản nợ mà Công ty tài chính TNHH HD S yêu cầu anh B thanh toán toàn bộ số tiền nợ còn lại tạm tính là 40.636.345 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, số nợ trên là nợ của ông B, việc anh H chị L ly hôn không ảnh hưởng gì đến việc thanh toán nợ của anh B đối với công ty. Hơn nữa, mặc dù Công ty có ý kiến yêu cầu anh B thanh toán nợ nhưng Công ty không làm đơn khởi kiện theo quy định và dự nộp án phí đối với yêu cầu của mình. Do đó tách ra Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu trên của Công ty là phù hợp. Nếu có tranh chấp Công ty tài chính TNHH HD S có quyền khởi kiện anh B ở vụ kiện dân sự khác.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình 300.000 đồng chị L phải nộp. Án phí dân sự có giá ngạch về chia tài sản chị L phải chịu đối với 2,1 chỉ vàng 18 được nhận. Anh H phải chịu án phí dân sự có giá ngạch đối với 2,1 chỉ vàng 18k được nhận, anh H còn phải chịu án phí đối với yêu cầu chia đôi 05 chỉ vàng 24k không được chấp nhận. Bà Thoa phải chịu án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu của đòi tài sản của chị L được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 147, 157, 158, 227, 228, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 59, 80, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 494, 496, 499 Bộ luật dân sự; các Điều 26, 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn A L về việc xin ly hôn với anh Nguyễn Thành H.

Về con chung: Giao 01 con chung tên Nguyễn Thành T, sinh ngày 07/02/2018, hiện đang sống cùng chị L cho chị L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét.

Anh H có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Thành H phân chia tài sản chung là 4,2 chỉ vàng 18k. Số tài sản trên chị L đang quản lý. Buộc chị L có trách nhiệm giao lại cho anh H 2,1 chỉ vàng 18k. Không chấp nhận yêu cầu của anh H về việc yêu cầu chia đôi 05 chỉ vàng 24k.

Buộc bà Mạc Thanh T phải trả cho chị Nguyễn A L 05 chỉ vàng 24k.

Về nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận, Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình: chị Nguyễn A L phải nộp số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), chị L phải nộp án phí phân chia tài sản 300.000 đồng, vào ngày 11/9/2019, chị L đã nộp tiền tạm ứng án phí là 600.000đ theo biên lai số 0000757 được chuyển thu. Anh H phải nộp án phí phân chia tài sản 300.000 đồng, và án phí với yêu cầu phân chia tài sản không được chấp nhận 500.000 đồng. Tổng cộng là 800.000 đồng. Vào ngày 07/10/2019 anh H đã dự nộptạm ứng án phí 370.000 đồng theo biên lai 0000870 được đối trừ anh H phải nộp thêm số tiền 430.000 đồng. Bà Mạc Thanh T phải nộp án phí dân sự không có giá ngạch số tiền 300.000 đồng (chưa nộp).

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị L, anh H, bà D, anh B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà T, Công ty tài chính TNHH HD S có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phạm Kim Cương

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- UBND phường 8, Tp M, tỉnh Cà Mau;
- Đương sự;
- Lưu Hồ sơ,
- Lưu Toà án Tp Cà Mau